

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 08/TTP/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

1. Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam**
2. Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
3. Điện thoại: 028 38277100 Fax:
4. Email: thinhatkhanh.huyen@tetrapak.com
5. Mã số doanh nghiệp (MST): 0302803331
6. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: *Giấy phức hợp TPA dùng làm bao bì đựng thực phẩm*

2. Thành phần chính: Polyethylen (bề mặt tiếp xúc với thực phẩm)

Vật liệu cấu tạo: Sản phẩm được cấu tạo từ 6 lớp

- Lớp ngoài cùng: nhựa PE
- Lớp thứ 2: lớp giấy tạo độ cứng và mực in
- Lớp thứ 3: nhựa
- Lớp thứ 4: màng nhôm
- Lớp thứ 5 và thứ 6 (lớp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm): Polyethylen

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng trong thùng carton đảm bảo an toàn thực phẩm theo qui định của Bộ Y Tế.
- Sản phẩm được tạo thành cuộn, xếp trên pallet. Số cuộn xếp trên một pallet được ghi trên nhãn của mỗi pallet tại nhà máy sản xuất giấy.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên nhà máy sản xuất: TETRAPAK JURONG PTE LTD
- Địa chỉ nhà sản xuất: 19GUL LANE, SINGAPORE CITY, SINGAPORE 629414, SINGAPORE

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty kinh doanh sản phẩm *Giấy phức hợp TPA dùng làm bao bì đựng thực phẩm* đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm để chứa các loại thực phẩm, thức uống không chứa cồn theo: **QCVN 12-1:2011/BYT** - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.



Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP.HCM, ngày *16* tháng *5* năm *2019*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Minh Hằng



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 08/TTP/2019

1. Mô tả sản phẩm: Giấy phức hợp TPA dùng làm bao bì đựng thực phẩm



2. Nhãn sản phẩm dự kiến:

Tetra Pak®		Tetra Pak Material Description / Tên hàng hóa		Pallet Number / Pa-lét số	
(SP) TPA1L REALCOCO COCOMILK ORGANIC				21	
Tetra Pak Material Number / Mã số hàng hóa		Production Order Number / Mã số nhà máy sản xuất		EAN	
DVN-D606 -03		P531-0758231		88956800051	
BRANCH / OF BEN TRE IMPORT EXPORT				Global Id	
				930536540	
Pallet Contents / Pa-lét gồm		Country Code		Content	
5-0010 / 04780		115		97329005246982	
6-0001 / 04320				SSCC	
1-0001 / 04250				373295307582310215	
				Batch / Lô sản xuất	
				0758231021	
				Customer Part Number	
				Date / Ngày sản xuất	
				05.05.19	
				Best before / Hạn sử dụng	
				03.05.20	

Made in / Sản xuất tại Singapore
Nhà phân phối: CTCP Tetra Pak Việt Nam
Hướng dẫn sử dụng và thông số kỹ thuật: Xem tài liệu kèm theo

5310075823100210133500

(02)97329005246982(11)190505(37)03(241)

(00)373295307582310215(30)13350(10)0758231021

3. Nội dung nhãn phụ sản phẩm:

Giấy phức hợp TPA dùng làm bao bì đựng thực phẩm

Vật liệu cấu tạo: Sản phẩm được cấu tạo từ 6 lớp

- Lớp ngoài cùng: nhựa PE
- Lớp thứ 2: lớp giấy tạo độ cứng và mực in
- Lớp thứ 3: nhựa
- Lớp thứ 4: màng nhôm
- Lớp thứ 5 và thứ 6 (lớp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm): Polyethylen

Kích thước sản phẩm: Sản phẩm được tạo thành cuộn, xếp trên pallet. Số cuộn xếp trên một pallet được ghi trên nhãn của mỗi pallet tại nhà máy sản xuất giấy.

Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm phải được đưa về phòng sử dụng ít nhất 24 tiếng trước khi bóc mở lớp PE ngoài. Bóc mở lớp PE ngoài cùng, sử dụng trực tiếp. Các sản phẩm dùng dở phải được bọc kỹ.

Hướng dẫn bảo quản:

- Bao bì được bảo quản trong kho sạch, tránh ẩm và tránh ánh sáng chiếu trực tiếp
- Bao bì không lưu trữ chung với các loại nguyên vật liệu khác
- Các cuộn bao bì phải được đặt trên pallet.
- Pallet có thể chất tối đa 3 lớp.
- Các bao bì dùng dở phải được bao bọc kỹ và dán nhãn rõ ràng.
- Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ 10 độ C – 40 độ C

Ngày sản xuất: xem trên bao bì

Hạn sử dụng: 1 năm kể từ ngày sản xuất

Xuất xứ: Singapore

Nhà sản xuất: TETRAPAK JURONG PTE LTD

Địa chỉ: 19GUL LANE, SINGAPORE CITY, SINGAPORE 629414, SINGAPORE

Công bố sản phẩm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TETRAPAK VIỆT NAM, địa chỉ: 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 028 38277100

Số: 0966/N3.19/ĐG

Ngày: 09/5/2019

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

1. Người yêu cầu : Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam
2. Tên mẫu theo khai báo : Giấy phức hợp TPA dùng làm bao bì đựng thực phẩm
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 26/4/2019
5. Căn cứ giám định : QCVN 12-1:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

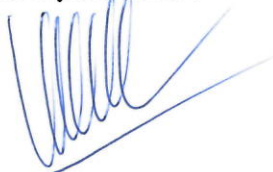
6. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

Stt	Tên chỉ tiêu	Kết quả giám định	Giới hạn tối đa cho phép nêu tại mục 5
6.1	Ngoại quan		-
6.2	Định danh nhựa (bề mặt tiếp xúc thực phẩm)	Polyethylen	Thuộc nhóm nhựa nêu tại mục 5
6.3	Hàm lượng các kim loại trong vật liệu, $\mu\text{g/g}$		
	- Chì (Pb)	< 5	100
	- Cadimi (Cd)	< 5	
6.4	Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu, $\mu\text{g/mL}$		
	- Trong nước cất, 60°C, 30 phút	< 5	30
	- Trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút	< 5	
	- Trong n-heptan, 25°C, 60 phút	< 10	
6.5	Hàm lượng kim loại nặng (qui ra chì) chiết được từ mẫu trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút, $\mu\text{g/mL}$	< 1	1
6.6	Hàm lượng KMnO_4 tiêu thụ trong nước cất chiết được từ mẫu, 60°C, 30 phút, $\mu\text{g/mL}$	< 5	10

7. **Kết luận:** Mẫu nêu trên có kết quả các chỉ tiêu thử nghiệm phù hợp với mức quy định nêu tại mục 5 đối với Giấy phức hợp (bề mặt tiếp xúc thực phẩm là màng nhựa tổng hợp) tiếp xúc với các loại thực phẩm, thức uống không chứa cồn.

Ghi chú: Thông báo này chỉ có giá trị cho mẫu nêu trên.

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Đặng Thị Bùi Oanh



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Mai Văn Sùng

M01 – QTGD 31

KT3-02159AHD9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

07/05/2019
Trang 01/02

1. Tên mẫu : GIẤY PHỨC HỢP TPA DÙNG LÀM BAO BÌ THỰC PHẨM
2. Số lượng mẫu : 01
3. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
0966/N3.19/ĐG/PT
09 tấm màng nhựa màu xanh lá có in
4. Ngày nhận mẫu : 26/04/2019
5. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM
235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q.1, Tp Hồ Chí Minh
6. Thời gian thử nghiệm : 02/05/2019 – 07/05/2019
7. Kết quả thử nghiệm : xem trang 02/02

P. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG**Nguyễn Thị Thùy Nhi**

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
PHAN THÀNH TRUNG



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / Not applicable.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

07/05/2019

Trang 02/02



Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1 Định danh nhựa (mặt không in) bằng phương pháp phổ hồng ngoại	-	ASTM E 1252 – 98	-	Polyethylene
THỬ VẬT LIỆU				
7.2 Hàm lượng chì	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	Không phát hiện
7.3 Hàm lượng cadimi	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	Không phát hiện
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM				
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	Không phát hiện
7.6 Hàm lượng cặn khô		QCVN 12-1 : 2011/BYT		
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C	µg/mL		5,0	< 10,0 (*)
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL		5,0	Không phát hiện
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL		5,0	Không phát hiện

Ghi chú: (*) Giới hạn định lượng.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam

Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa I Z, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274

Tel: (84-251) 383 6212

Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012

Fax: (84-251) 383 6298

Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn

E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn